TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2025/DS-PT
Ngày: 21 - 02 - 2025
V/v tranh chấp thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 156/2024/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 339/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 2, đường K, Khóm B, Phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Tuấn H, là Luật sư của Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: Số 9, đường P, Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Ngô Bạch M, sinh năm 1962 (vắng mặt).

2. Ông Lê Quách K, sinh năm 1986 (vắng mặt).

3. Ông Lê Quách C, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 10, đường V, Khóm b, Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thanh T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 06/10/2023 của nguyên đơn, lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T tại phiên tòa và lời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Võ Tuấn H trình bày:

Ngày 05/8/2022 (âl) - (tức là ngày 31/8/2022 dương lịch, do ông Lê Duy Ư tự ghi nên không chính xác, khi nhận biên nhận ông T cũng không có đối chiếu giữa ngày âm lịch và dương lịch, vì vậy trong đơn khởi kiện ông T ghi theo biên nhận ông Ư, thời điểm ghi biên nhận ông T chỉ xem số tiền) ông Ư mượn ông T số tiền 300.000.000 đồng, mục đích mua đất, mua nhà, hẹn 04 tháng trả, đến tháng 01 năm 2023, ông T yêu cầu ông Ư trả tiền để sửa chữa nhà thì ông Ư hứa để hùn tiền mua nhà với ông Lê Quách K sẽ bán nhà trả nợ nhưng đến mùng 02/4/2023 (âl) - (ngày 20/5/2023 dương lịch) ông Ư đã chết.

Nay ông Nguyễn Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Quách K và bà Ngô Bạch M có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 337.734.900 đồng (trong đó, gốc 300.000.000 đồng và lãi 0,833%/tháng từ ngày 20/5/2023 đến ngày 23/8/2024), trong phạm vi tài sản ông Lê Duy Ư để lại là quyền sử dụng đất thửa đất số 994, tờ bản đồ số 08, diện tích 180,6m^2 [46m^2 đất ở tại đô thị, 134,6m^2 đất trồng cây lâu năm] và căn nhà số 24, hẻm 1098 (1098/24) đường Quốc lộ 1 (Võ Văn Kiệt), Khóm 3, Phường 10, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 182195, số vào sổ cấp GCN: CS 00957 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Ư và bà M ngày 22/10/2019, đến ngày 02/5/2024 "Để thừa kế quyền sử dụng đất của ông Ư và tặng cho phần quyền sử dụng đất của bà M cho ông K, nay người sử dụng đất là ông K; thực hiện theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 22/4/2024, tại Văn phòng công chứng Nguyễn Quang N".

Ông Ư chết để lại di sản là quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung vợ chồng với bà M là 50% đối với thửa đất số 994, tờ bản đồ số 08, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 182195, số vào sổ cấp GCN: CS 00957 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Ư và bà M ngày 22/10/2019.

Di sản đã được chia thì người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại nên ông K là người thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Ư chết để lại; ông T cho rằng khoản tiền ông Ư vay là nợ chung của ông Ư và bà M có nghĩa vụ liên đới.

Theo đơn khởi kiện ban đầu thì tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu ông Cường phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Ư chết để lại.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã nộp: Bản sao căn cước công dân Nguyễn Thanh T; bản sao photo biên nhận có tên Lê Duy Ư; bản chính biên nhận có chữ viết, chữ ký ông Lê Duy Ư.

- Đối với bị đơn ông Lê Quách K trình bày:

Ông Lê Duy Ư chết ngày 20/5/2023 (mùng 02/4/2023), các hàng thừa kế thứ nhất: Vợ là bà Ngô Bạch M, các con là ông Lê Quách K và ông Lê Quách C, cha mẹ ruột ông Ư đều đã chết trước ông Ư.

Đối với khoản nợ 300.000.000 đồng mà ông Ư vay theo đơn khởi kiện của nguyên đơn tại tờ biên nhận, ông K có cho rằng hằng ngày ông ít gặp cha là ông Ư, cũng rất ít thấy ông Ư viết chữ nên không có cơ sở chắc chắn chữ viết tờ biên nhận có phải do ông Ư viết hay không?. Tuy nhiên, về tờ biên nhận không có ý kiến phản đối chữ ký, chữ viết, nhưng ngày ghi trong biên nhận giữa ngày âm lịch (05 tháng 8 AL 2022) và ngày 31 tháng 9 năm 2022 (là ngày không có thực), cho nên ông K đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để đánh giá chứng cứ xét xử.

Sinh thời ông Ư làm nghề tự do, đã làm căn cước công dân, ông Ư có vay tiền tại Ngân hàng, Quỹ Tín dụng nhân dân, ông là con ông Ư được các tổ chức liên hệ nhận nợ hoặc làm thủ tục vay lại nên đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 994, tờ bản đồ số 08, diện tích 180,6m^2 [46m^2 đất ở tại đô thị, 134,6m^2 đất trồng cây lâu năm] và căn nhà số 24, hẻm 1098, đường V, Khóm B, Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 182195, số vào sổ cấp GCN: CS 00957 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Ư và bà M ngày 22/10/2019, đến ngày 02/5/2024 "Để thừa kế quyền sử dụng đất của ông Ư và tặng cho phần quyền sử dụng đất của bà M cho ông K, nay người sử dụng đất là ông K; thực hiện theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 22/4/2024, tại Văn phòng công chứng Nguyễn Quang N".

Ông Ư chết để lại di sản là quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung vợ chồng với bà M là 50% đối với thửa đất số 994, tờ bản đồ số 08, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 182195, số vào sổ cấp GCN: CS 00957 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Ư và bà M ngày 22/10/2019.

Bị đơn ông K cung cấp: Hợp đồng ủy quyền ngày 15/7/2024; Bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Lê Quách C; bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 182195; số vào sổ cấp GCN: CS00957; bản chính sổ vay vốn tên Lê Duy Ư của Ngân hàng chính sách xã hội; đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 31177/22MN/HĐTD/KUNN07 ngày 16/5/2024 của ông Lê Quốc Kiên, bà Nguyễn Thị Ánh Tiên; bản photo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 26/7/2022 xác nhận đồng ý của bên bảo đảm Lê Duy Ư - Ngô Bạch M; bản photo Hợp đồng tín dụng ngày 18/8/2020 có chữ ký ông Lê Duy Ư; văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế bản sao công chứng; bản photo căn cước công dân bà Ngô Bạch M, ông Lê Quách K, ông Lê Quách C, ông Lê Duy Ư.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 156/2024/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 đã quyết định: Căn cứ Điều 5, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468; Điều 615; Điều 658 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T về việc buộc ông Lê Quách K và bà Ngô Bạch M thực hiện nghĩa vụ do ông Lê Duy Ư chết để lại.

Buộc ông Lê Quách K, bà Ngô Bạch M có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 337.734.900 đồng (trong đó, nợ gốc số tiền 300.000.000 đồng và nợ lãi số tiền 37.734.900 đồng) trong phạm vi tài sản do ông Lê Duy Ư chết để lại.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 07/9/2024, nguyên đơn ông T có đơn kháng cáo và được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng nhận ngày 09/9/2024 về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 156/2024/DS-ST ngày 26/8/2024 theo hướng buộc bà M phải có nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng với ông Ư đối với toàn bộ khoản nợ của ông Ư đã vay của ông T. Đồng thời, buộc bà M và ông K phải có nghĩa vụ trả cho ông T toàn bộ tiền vốn và tiền lãi tổng cộng 337.734.900 đồng và tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn ông T không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng: Việc ông Ư vay tiền là nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình như sửa chữa nhà và nhận chuyển nhượng đất, nhưng không rõ đất ở đâu. Khi vay tiền có ông Trương Ngọc X chứng kiến, nhưng mục đích vay tiền thì ông Ư chỉ nói cho ông biết, không có nói với ông X. Ông không có yêu cầu gì đối với thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và hợp đồng thế chấp để vay tiền của các bị đơn.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Việc ông Ư vay tiền là nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình như sửa chữa nhà và nhận chuyển nhượng đất, bà M là vợ hợp pháp của ông Ư, nên phải có nghĩa vụ liên đới với ông Ư đối với số tiền vay Tâm và cùng thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Ư chết để lại theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 614, 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận kháng cáo của ông T.

+ Đến thời điểm mở phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì HĐXX, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các quy định pháp luật có liên quan đề nghị HĐXX không chấp nhận đối với kháng cáo của ông T và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn bà Ngô Bạch M, ông Lê Quách K và ông Lê Quách C đều vắng mặt không rõ lý do; nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo; thời hạn kháng cáo của ông T là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Theo bản án sơ thẩm xác định vào ngày 05/8/2022 âm lịch (nhằm ngày 31/8/2022 dương lịch), ông Ư có vay của ông T số tiền 300.000.000 đồng, nên buộc bà M với ông K có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền này cùng với tiền lãi là 37.734.900 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm thì các bị đơn đồng ý với bản án sơ thẩm và không có kháng cáo.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông T về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc bà M phải có nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng với ông Ư đối với toàn bộ khoản nợ của ông Ư đã vay của ông T. Đồng thời, buộc bà M và ông K phải có nghĩa vụ trả cho ông T toàn bộ tiền vốn và tiền lãi tổng cộng 337.734.900 đồng. Xét thấy:

[4.1] Theo Biên nhận ngày 05/8/2022 âm lịch (nhằm ngày 31/8/2022 dương lịch) thì việc thỏa thuận vay số tiền 300.000.000 đồng thì chỉ có ông Ư ký vay tiền, không có bà M ký vay tiền của ông T (BL số 10). Ông T không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bà M có cùng với ông Ư vay số tiền trên của ông T và cùng sử dụng số tiền vay này; cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông Ư vay số tiền trên là để chuyển nhượng đất, sửa chữa nhà như lời ông T trình bày. Do đó, ông T cho rằng việc ông Ư vay tiền của ông là nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình là không có căn cứ, không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4.2] Theo bản án sơ thẩm tại mục số [8] và [9] nhận định: Ông K được các đồng thừa kế để thừa kế phần quyền sử dụng đất của ông Ư, nên ông K phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Ư chết để lại tương ứng 50% giá trị quyền sử dụng thửa đất số 994, tờ bản đồ số 08, diện tích 180,6m^2 (46m^2 đất ở đô thị và 134,6m^2 đất trồng cây lâu năm) và căn nhà gắn liền trên đất số 24, hẻm 1098), đường V, Khóm B, Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ. Tuy nhiên, thửa đất thửa đất số 994, tờ bản đồ số 08 đang thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh Sóc Trăng - Phòng giao dịch Ngã Năm (BL số 30 - 43). Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải đưa Ngân hàng vừa nêu vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng cho đến thời điểm mở phiên tòa phúc thẩm không có ai yêu cầu, nên HĐXX không đặt ra xem xét; nhưng cần xác định trong phạm vi tài sản do ông Ư chết để lại tương ứng 50% giá trị quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền trên đất như đã nêu trên (sau khi thực hiện xong nghĩa vụ được bảo đảm - nghĩa vụ bảo đảm phải được

ký kết đúng quy định của pháp luật còn lại mới phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Ư chết để lại).

[5] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông T về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử phúc thẩm. Xét thấy, theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông T yêu cầu tính lãi đến ngày 23/8/2024 và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Đồng thời, các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi. Vì vậy, theo điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghịa quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao quy định: Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, sau ngày xét xử sơ thẩm Tòa án chỉ tuyên nghĩa vụ chậm trả mà không phải tính lãi đến ngày xét xử phúc thẩm và Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên nghĩa vụ chậm trả trong phần quyết định của bản án sơ thẩm, nên kháng cáo này của ông T là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Từ những nhận định như vừa nêu trên, kháng cáo của ông T là không có cơ sở, nên không được HĐXX chấp nhận. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[7] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông T là không có cơ sở, nên không được HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 3000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị HĐXX không chấp nhận đối với kháng cáo của ông T và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 156/2024/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024, về việc thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T về việc buộc ông Lê Quách K và bà Ngô Bạch M thực hiện nghĩa vụ do ông Lê Duy Ư chết để lại.

- Buộc ông Lê Quách K và bà Ngô Bạch M có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh T nợ gốc số tiền 300.000.000 đồng và nợ lãi số tiền 37.734.900 đồng; tổng cộng số tiền 337.734.900 đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm đồng) trong phạm vi tài sản do ông Lê Duy Ư chết để lại tương ứng 50% giá trị quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền trên đất như đã nêu trên (sau khi thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm - nghĩa vụ bảo đảm phải được ký kết đúng quy định của pháp luật còn lại mới phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Ư chết để lại).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 8.240.000 đồng (Tám triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009699 ngày 06/10/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

- Ông Lê Quách K và bà Ngô Bạch M phải chịu số tiền 16.867.405 đồng (Mười sáu triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm linh năm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, trong phạm vi tài sản do ông Lê Duy Ư chết để lại.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 3000.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001974 ngày 12/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Nguyễn Thanh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn